

Số: 12 /2018/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng
trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh
sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung điều 6 và phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-TTCP ngày 23 tháng 04 năm 2014 của Thanh tra Chính phủ quy định việc xây dựng, phê duyệt định hướng chương trình thanh tra, kế hoạch thanh tra;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV ngày 28 tháng 05 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ ban hành Quy chế phối hợp mẫu giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập;

Căn cứ Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 23 tháng 02 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính hướng dẫn việc trao đổi thông tin về doanh nghiệp giữa Hệ thống thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Hệ thống thông tin thuế;

Căn cứ Quyết định số 386/2014/QĐ-UBND ngày 4 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 266-KL/TU ngày 18/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 15/TTr-KHĐT ngày 09 tháng 5 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2018 và thay thế Quyết định số 386/2014/QĐ-UBND ngày 4 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan Trung ương đặt tại tỉnh và các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / *Thư*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- TT Công báo, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu VT, XDCB, KGVX, NC, NNTN, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tử Quỳnh

QUY CHẾ

**Phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước
đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập
trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

*(Ban hành theo Quyết định số 42.../2018/QĐ-UBND ngày 05/6/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (sau đây gọi chung là tỉnh) trong việc:

1. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh; thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh;
2. Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;
3. Xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;
4. Báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại tỉnh.
3. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện).
4. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc cơ quan nhà nước được yêu cầu, trong phạm vi chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, gửi thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh có nội dung, phạm vi xác định tới cơ quan yêu cầu để phục vụ công tác quản lý nhà nước về doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. *Trao đổi thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc hai hay nhiều cơ quan chức năng cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý cho nhau một cách liên tục hoặc theo định kỳ.

3. *Công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc cơ quan nhà nước, căn cứ vào chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, cung cấp, phổ biến thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh một cách rộng rãi, không thu phí.

4. *Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện* là ngành, nghề mà việc thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh ngành, nghề đó phải đáp ứng điều kiện vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng. Điều kiện đầu tư kinh doanh được quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

5. *Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện* do các cơ quan chức năng quản lý nhà nước được quy định tại Phụ lục của Quy chế này.

6. *Thanh tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc xem xét, đánh giá, xử lý theo trình tự, thủ tục được quy định tại Luật Thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân, tổ chức có liên quan.

7. *Kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, đánh giá việc thực hiện pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân, tổ chức có liên quan.

8. *Cơ quan chức năng* là các cơ quan quy định tại Điều 2 Quy chế này.

9. *Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh* là Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư; *Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện* là Phòng Tài chính Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

10. *Đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp bao gồm* chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do doanh nghiệp thành lập.

Điều 4. Mục tiêu phối hợp

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập tại tỉnh theo hướng: phân định trách nhiệm và tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Phát hiện và xử lý kịp thời những doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật, ngăn chặn và hạn chế những tác động tiêu cực do doanh nghiệp, hộ kinh doanh gây ra cho xã hội.

3. Góp phần xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và hộ kinh doanh thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc phối hợp

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải được phân định rõ ràng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp,

từng cơ quan quản lý nhà nước cụ thể. Các cơ quan nhà nước quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo từng ngành, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh kinh doanh đa ngành, nghề chịu sự quản lý của nhiều cơ quan nhà nước; mỗi cơ quan chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo từng ngành, lĩnh vực tương ứng.

2. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời. Yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin phải căn cứ vào nhu cầu quản lý nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan yêu cầu. Việc sử dụng thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra, kiểm tra trong cùng thời gian giữa các cơ quan thực hiện thanh tra, kiểm tra; giảm thiểu đến mức tối đa sự phiền hà, cản trở hoạt động bình thường của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

4. Không làm phát sinh thủ tục hành chính và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động bình thường.

Chương II

TRAO ĐỔI, CUNG CẤP, CÔNG KHAI THÔNG TIN DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH

Điều 6. Nội dung thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm: tên; mã số; địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh; thông tin về người đại diện theo pháp luật; vốn điều lệ; danh sách thành viên, cổ đông sáng lập; người đại diện theo ủy quyền; người đứng đầu hộ kinh doanh; thông tin về đơn vị trực thuộc và các thông tin đăng ký khác của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm các tình trạng: đang hoạt động; đang làm thủ tục giải thể; đã giải thể; bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; tạm ngừng kinh doanh; đã chấm dứt hoạt động (kể cả đối với đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp).

3. Thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm: báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, doanh thu, sản lượng, số lao động, xuất khẩu, nhập khẩu và các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khác của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. Thông tin về xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật, bao gồm: kết luận thanh tra, kiểm tra và kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về doanh nghiệp, về đầu tư, về quản lý thuế và pháp luật chuyên ngành khác.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư (Phòng Đăng ký kinh doanh) là đầu mối cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ quan chức năng có thể đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp. Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành Quy trình cung cấp thông tin cho các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Trường hợp phát hiện thông tin đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp chưa chính xác hoặc chưa đầy đủ so với tình trạng thực tế của doanh nghiệp, cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để đề nghị doanh nghiệp thực hiện đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin đăng ký theo quy định. Sau khi doanh nghiệp đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thông báo kết quả cho cơ quan chức năng có liên quan.

2. Nội dung thông tin đăng ký doanh nghiệp công khai gồm:

a) Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;

b) Tên, mã số, địa chỉ trụ sở, người đứng đầu đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp;

c) Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đã hoàn tất thủ tục giải thể;

d) Tên, mã số, địa chỉ trụ sở, người đứng đầu đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp đã chấm dứt hoạt động.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện (Phòng Tài chính-Kế hoạch) cung cấp và công khai thông tin đăng ký hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý theo quy định.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Trên cơ sở khai thác thông tin từ Hệ thống thông tin Đăng ký doanh nghiệp Quốc gia (được cập nhật thông tin từ Hệ thống thông tin thuế), Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư định kỳ đối chiếu thông tin trên Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia với thông tin cơ quan Thuế cung cấp về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh doanh quá một năm mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế; Sở Kế hoạch và Đầu tư tiến hành xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước Trung ương đặt tại tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm gửi Phòng Đăng ký kinh doanh/Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện các thông tin sau đây:

a) Các loại giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận hoặc văn bản chấp thuận về điều kiện kinh

doanh đã cấp cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, chi nhánh, văn phòng đại diện, người quản lý đơn vị.

b) Quyết định xử lý vi phạm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hộ kinh doanh, chi nhánh, văn phòng đại diện, người quản lý đơn vị.

c) Quyết định chấm dứt hoạt động kinh doanh; quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động; quyết định phục hồi hoạt động kinh doanh.

d) Thông tin về vi phạm pháp luật thuế của doanh nghiệp.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin trên, cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật vào hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh có liên quan và xem xét xử lý theo thẩm quyền.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện cung cấp, công khai thông tin về hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý theo quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Các cơ quan chức năng chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động trong ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước được giao; chủ động xây dựng phương án, công cụ trao đổi thông tin doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế và các cơ quan đầu mối thông tin doanh nghiệp khác để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước của mình.

2. Các cơ quan chức năng thực hiện công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, đồng thời giảm thiểu nghĩa vụ kê khai, báo cáo của doanh nghiệp. Quy trình trao đổi thông tin về báo cáo tài chính của doanh nghiệp quy định như sau:

a) Báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp do cơ quan thuế tiếp nhận, lưu trữ tại Hệ thống thông tin báo cáo tài chính được truyền sang Hệ thống thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Việc sử dụng, cung cấp thông tin về báo cáo tài chính của doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật.

b) Giảm đầu mối nhận Báo cáo tài chính định kỳ tại cơ quan Đăng ký kinh doanh. Cơ quan Thuế và Cơ quan Đăng ký kinh doanh phối hợp chặt chẽ trong việc kiểm soát báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Tài chính-Kế hoạch phối hợp cùng các cơ quan chuyên môn cấp huyện cung cấp thông tin tổng hợp về tình hình cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh, về hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý gửi Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc công khai thông tin về xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối công khai thông tin doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật về doanh nghiệp và đầu tư trên địa bàn tỉnh trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được Quyết định xử lý doanh nghiệp vi phạm của cơ quan chức năng, thời gian công khai thông tin đến khi doanh nghiệp đã khắc phục hành vi vi phạm. Thông tin công khai gồm: tên doanh nghiệp, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hành vi vi phạm pháp luật, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Cục Thuế tỉnh công khai danh sách các doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế.

3. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm công khai doanh nghiệp, hộ kinh doanh và các đơn vị trực thuộc có hành vi vi phạm, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý. Thông tin công khai gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu đơn vị trực thuộc, hành vi vi phạm pháp luật, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan chuyên môn cấp huyện phối hợp, xác minh thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn; phát hiện và báo cáo danh sách các doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm quy định về hoạt động kinh doanh.

Điều 11. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Các cơ quan chức năng thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin để trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp qua mạng điện tử.

Trong trường hợp cần thiết theo nhu cầu quản lý và sử dụng thông tin hoặc do yếu tố kỹ thuật, các bên có thể trao đổi thông tin qua thư điện tử (email), truyền tập tin (file) dữ liệu điện tử hoặc các hình thức khác.

2. Việc công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh được thực hiện trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia; trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, Cổng Thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư và của các cơ quan chức năng.

3. Cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương tại tỉnh quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp thông tin với cơ quan có liên quan và công khai thông tin.

4. Định kỳ trước ngày mùng 10 hàng tháng, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh các đơn vị mới thành lập và thay đổi thông tin trong tháng trước qua địa chỉ email đến Cục Thuế để lưu trữ hồ sơ của doanh nghiệp.

Chương III

THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH CÓ HÀNH VI VI PHẠM

Điều 12. Nội dung phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh và xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện

1. Nội dung phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm: phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh; phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp.

2. Nội dung phối hợp trong thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh bao gồm: phối hợp xác định hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi và thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh.

3. Nội dung phối hợp trong xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện gồm: phối hợp xử phạt; yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

4. Nội dung phối hợp trong xử lý hộ kinh doanh vi phạm quy định về số lao động thường xuyên sử dụng gồm: phối hợp xác định hành vi thường xuyên sử dụng từ 10 (mười) lao động trở lên, phối hợp xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Thanh tra tỉnh là cơ quan đầu mối xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trên cơ sở tổng hợp yêu cầu về thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quy chế này; theo dõi, tổng hợp kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp đã được phê duyệt của các cơ quan để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp có thể được xây dựng độc lập hoặc là một trong các nội dung kế hoạch thanh tra, kiểm tra của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thanh tra các Sở, ban, ngành tỉnh chủ trì xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện việc thanh tra, kiểm tra hoạt động của doanh nghiệp sau đăng ký thành lập và xử lý các hành vi vi phạm thuộc phạm vi, địa bàn quản lý trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Thanh tra Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan đầu mối xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn trên cơ sở tổng hợp yêu cầu về thanh tra, kiểm tra của các phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; theo dõi, tổng hợp kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn đã được cấp trên phê duyệt để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm phối hợp triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh hàng năm trong phạm vi chức năng,

nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Trong kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm của mình, các cơ quan chức năng phải xác định cụ thể doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hộ kinh doanh dự kiến thanh tra, kiểm tra.

Trước ngày 15 tháng 11 hàng năm, các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm sau liền kề của mình cho Thanh tra tỉnh. Căn cứ vào định hướng, chương trình kế hoạch công tác thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Thanh tra tỉnh tổng hợp nhu cầu thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh của các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Chậm nhất vào ngày 25 tháng 11 hàng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh năm sau liền kề của tỉnh.

3. Các cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm đối chiếu với kế hoạch thanh tra, kiểm tra được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt năm sau liền kề để xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra của mình, nhằm giảm thiểu trùng lặp; đồng thời, gửi cho Thanh tra tỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh năm sau liền kề đã được cấp trên phê duyệt.

4. Trường hợp kế hoạch thanh tra, kiểm tra được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt năm sau liền kề có doanh nghiệp cùng được thanh tra, kiểm tra trong kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cơ quan chức năng cấp Trung ương; Thanh tra tỉnh thông báo bằng văn bản tới các cơ quan chức năng có kế hoạch thanh tra, kiểm tra đề nghị các cơ quan này trao đổi, thỏa thuận thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành do một cơ quan chủ trì. Trường hợp do yêu cầu đặc thù phải thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập, Thủ trưởng cơ quan chức năng phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bằng văn bản.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp thành lập đoàn thanh tra liên ngành để thanh tra doanh nghiệp, Thanh tra tỉnh có trách nhiệm chủ trì, các cơ quan liên quan cử cán bộ tham gia. Kết quả thanh tra liên ngành phải được gửi cho các cơ quan chức năng tham gia. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp, trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận của đoàn thanh tra liên ngành, Thủ trưởng cơ quan thanh tra chuyên ngành ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý theo quy định.

Trường hợp thành lập đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh giao một cơ quan chủ trì hoặc các cơ quan liên quan thống nhất cử một cơ quan chủ trì, các cơ quan liên quan khác cử cán bộ tham gia. Kết quả kiểm tra liên ngành phải được gửi cho các cơ quan tham gia. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận của đoàn kiểm tra liên ngành, Thủ trưởng cơ quan

quản lý chuyên ngành ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

2. Trường hợp trong quá trình chuẩn bị hoặc trong quá trình thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cơ quan chức năng phát hiện hoặc nhận thấy dấu hiệu doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm thông báo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền phối hợp hoặc thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập.

3. Thanh tra tỉnh là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc theo dõi, đôn đốc thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp; tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh của các cơ quan chức năng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Thanh tra cấp huyện là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc theo dõi, đôn đốc thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn; tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Kết quả thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải được công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Tài chính Kế hoạch có trách nhiệm thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và văn bản hướng dẫn thi hành theo thẩm quyền.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh, cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan Đăng ký kinh doanh tương ứng.

3. Trường hợp nhận được thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận, nếu xét thấy cần thiết phải xác minh thông tin, Cơ quan đăng ký kinh doanh kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra. Kết quả xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận phải được thể hiện bằng văn bản. Trách nhiệm cụ thể:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xác minh việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tại địa bàn quản lý; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác minh việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ kinh doanh tại địa bàn quản lý;

b) Các cơ quan quy định tại khoản 1 và 2 Điều 2 Quy chế này có trách nhiệm xác minh hành vi đầu tư kinh doanh ngành, nghề cấm kinh doanh của doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

c) Công an tỉnh có trách nhiệm xác minh nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh là giả mạo, trả lời bằng văn bản về kết quả xác minh theo đề nghị của cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 30 ngày kể từ



ngày nhận được văn bản đề nghị; xử lý các vi phạm của cá nhân, tổ chức theo thẩm quyền và quy định của pháp luật;

d) Cơ quan, tổ chức quản lý người thành lập doanh nghiệp thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp có trách nhiệm xác minh lý lịch của người thành lập doanh nghiệp đó.

4. Khi nhận được văn bản của cơ quan chức năng xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận, cơ quan đăng ký kinh doanh thu hồi giấy chứng nhận theo quy định, đồng thời thông báo cho cơ quan chức năng đã có yêu cầu thu hồi và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi doanh nghiệp, hộ kinh doanh đăng ký địa chỉ trụ sở. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, xử lý nếu doanh nghiệp, hộ kinh doanh vẫn tiếp tục hoạt động sau khi đã bị thu hồi giấy chứng nhận.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện

1. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử phạt theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đồng thời yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện đúng quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh.

2. Cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương; các Sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh tương ứng trong các trường hợp sau:

a) Thu hồi, rút, đình chỉ giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp thuận khác đã cấp cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh kinh doanh các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

b) Đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh ra Thông báo yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện do không đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh.

3. Khi nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan chức năng quy định tại Khoản 2 Điều này, cơ quan đăng ký kinh doanh ra Thông báo yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, đồng thời gửi cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã để theo dõi việc thực hiện yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện theo dõi doanh nghiệp thực hiện yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đối với Thông báo do Phòng Đăng ký kinh doanh yêu cầu; Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi hộ kinh doanh thực hiện yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đối với Thông báo do Phòng Tài chính Kế hoạch yêu cầu. Trường hợp doanh nghiệp, hộ kinh doanh tiếp tục kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có

điều kiện khi không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành xử lý hành vi vi phạm theo thẩm quyền và thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh tương ứng và cơ quan chức năng quản lý chuyên ngành để xử lý.

Cơ quan Thuế (bao gồm Chi cục Thuế các huyện, thị xã, thành phố) cùng phối hợp với UBND cấp huyện thực hiện nội dung trên.

Chương IV

BÁO CÁO VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP

Điều 17. Nội dung báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Tình hình công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

2. Tình hình thực hiện phối hợp giữa các cơ quan chức năng về các nội dung sau:

- a) Trao đổi, cung cấp và công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh;
- b) Thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh;
- c) Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh;
- d) Xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;
- đ) Các nội dung khác (nếu có).

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan trong báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý và địa bàn được phân công, tình hình thực hiện phối hợp các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 17 Quy chế này của năm liền kề trước. Thời gian gửi báo cáo: trước ngày 15 tháng 01 hàng năm.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại các Điểm a, c và d Khoản 2 Điều 17 Quy chế này.

3. Thanh tra tỉnh là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 17 Quy chế này.

4. Trước ngày 25 tháng 02 hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Thanh tra tỉnh dự thảo báo cáo tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập của năm liền kề trước, theo các nội dung quy định tại Điều 17 Quy chế này, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời gửi Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Tổ chức thực hiện

Việc thực hiện quy chế nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động thuận lợi, nâng cao thu nhập, góp phần phát triển kinh tế-xã hội.

1. Ủy ban nhân dân tỉnh khuyến khích và tạo điều kiện để các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc tỉnh thực hiện việc vận động hướng dẫn các doanh nghiệp, hộ kinh doanh tự giác chấp hành quy định của pháp luật; tham gia, đề xuất với các cơ quan Nhà nước những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh; tổ chức đánh giá, bình chọn và khen thưởng doanh nghiệp, hộ kinh doanh tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Kinh phí bảo đảm cho công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Phối hợp với các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn.

b) Tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công trong công tác đăng ký và quản lý sau đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể trong Quy chế này.

c) Hướng dẫn cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện nghiệp vụ đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. Các Sở, ban, ngành chức năng:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế tỉnh hoàn thiện, cập nhật cơ sở dữ liệu thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị; đảm bảo thông tin đầy đủ, được cập nhật thường xuyên, liên tục.

Thực hiện các nội dung quản lý nhà nước chuyên ngành đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật chuyên ngành.

b) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, giấy phép kinh doanh đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực của ngành; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra việc chấp hành pháp luật và các quy định về điều kiện kinh doanh; xử lý các doanh nghiệp vi phạm quy định của pháp luật.

Thông báo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính danh sách các doanh nghiệp không đủ điều kiện kinh doanh, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

c) Tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể trong Quy chế này.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin về hộ kinh doanh hoạt động trên địa bàn; hàng năm báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư về tình hình đăng ký và hoạt động của hộ kinh doanh trên địa bàn;

b) Tiếp nhận, xử lý thông tin về các doanh nghiệp, hộ kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan cung cấp; tham gia quản lý, theo dõi hoạt động trên địa bàn;

c) Xác minh việc tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh và đơn vị trực thuộc doanh nghiệp tại địa bàn quản lý có hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

d) Thực hiện tuyên truyền, vận động hộ kinh doanh chấp hành quy định của pháp luật. Khuyến khích và tạo điều kiện để hộ kinh doanh đăng ký chuyển đổi sang doanh nghiệp;

đ) Tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công trong công tác đăng ký và quản lý sau đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể trong Quy chế này.

6. Các Sở, ban, ngành chức năng, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ chức năng nhiệm vụ, chủ động tổ chức phối hợp và triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực, địa bàn phụ trách, đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

Điều 20. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về doanh nghiệp và quy định này được xem xét tuyên dương, khen thưởng theo quy định hiện hành;

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh hợp pháp của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối, đơn đốc, theo dõi tình hình triển khai thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân cần phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. /...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tử Quỳnh

